

Bản án số: 140/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 01/4/2025

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Ông Hoàng Sĩ Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1972

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số E H, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Cộng hòa Liên Bang N.

Người được nguyên đơn ủy quyền giao, nhận văn bản: Chị **Đinh Thị Thu T**, sinh năm 1982, địa chỉ: Số G Q, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Trí D**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số E H, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thu H** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Trí D** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 02/3/2007. Sau khi kết hôn, chị tiếp tục sang Cộng hòa liên bang N sinh sống và làm việc, còn anh D ở lại Việt Nam chăm sóc con chung. Đến năm 2013 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống xa cách lâu ngày dẫn đến tình cảm nhạt dần, bất đồng quan điểm

về nhiều mặt nên thường xảy ra cãi nhau, anh chị sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Trí D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 17/07/2005. Hiện con chung đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Cộng hòa liên bang Nga nên chị ủy quyền cho chị Đinh Thị Thu T thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai, anh Nguyễn Trí D trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn đúng như chị H đã trình bày. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn, chị H trở lại Liên bang N sinh sống và làm việc đến năm 2013 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng xa cách lâu ngày dẫn đến tình cảm nhạt dần, bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống nên thường xảy ra cãi nhau. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ lâu không có khả năng đoàn tụ được nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 17/07/2005. Hiện con đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người được chị H ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - chị Đinh Thị Thu T trình bày: Chị nhất trí nhận ủy quyền của chị H, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị H biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Nguyễn Trí D; chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại số E H, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương, hiện đang làm việc, sinh sống tại Cộng hòa liên bang N1; bị đơn anh Nguyễn Trí D có địa chỉ cư trú tại số E H, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị H không có mặt ở Việt Nam nhưng đã gửi đơn xin ly hôn và ủy quyền cho chị Đinh Thị Thu T nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Giấy ủy quyền của chị H đã được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương chứng thực. Chị H và anh D đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Trí D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 02/3/2007 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của chị H, anh D, có đủ cơ sở xác định trong cuộc sống chị H và anh D có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng sống xa cách mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Anh chị không có điều kiện để cải thiện quan hệ hôn nhân, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị H, anh D cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H ly hôn anh D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Con chung của chị H và anh D đã đủ 18 tuổi trưởng thành, khỏe mạnh. Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh D cùng xác định không có và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị Thu H** ly hôn anh **Nguyễn Trí D**.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0005525 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Đinh Thị Thu T nộp thay).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày; Anh Nguyễn Trí D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa DS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Tân